

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LANG CHÁNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-ST

Ngày: 23/4/2021

V/v: *Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Hải
2. Ông Lò Văn Luân

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Đại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 23/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2019/TLST-DS, ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* - Anh Trần Văn N, sinh năm: 1970

Trú tại: T2 (Nay là khu phố L), thị trấn C, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Bà Đinh Thị C, sinh năm 1963

Trú tại: Bản L (Nay là khu phố N), thị trấn C, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, tham gia tố tụng với nguyên đơn:*

- Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1975

Trú tại: T2 (Nay là khu phố L), thị trấn C, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn là anh Trần Văn N đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị O (Văn bản ủy quyền ngày 16/3/2020), vắng mặt bị đơn là bà Đinh Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 20/9/2019, buổi hòa giải ngày 06/3/2020 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là anh Trần Văn N trình bày: Vào ngày 28/01/2018, bà Đinh Thị C trú tại Bản L, thị trấn C (*Nay là khu phố N, thị trấn C*) là giáo viên trường THCS xã Y, huyện C đến gia đình anh vay số tiền là 97.000.000đ (*Chín mươi bảy triệu đồng*) để lo việc gia đình. Do anh thấy bà C lúc này đang là giáo viên, đang ăn lương Nhà nước nên sau khi thống nhất thỏa thuận số tiền vay, thời gian vay anh đã đồng ý cho bà C vay số tiền nói trên, khi vay giữa vợ chồng anh và bà C thỏa thuận thời hạn trả nợ là tháng 10/2018 và không tính lãi suất. Giấy vay nợ là do vợ chồng anh đã đánh máy làm mẫu và ký sẵn từ trước, khi cho ai vay tiền thì chỉ ghi số tiền, thời hạn vay, thời hạn trả nợ. Sau khi vay, bà C đã trả cho anh được số tiền là 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*), bà C còn nợ anh số tiền gốc là 72.000.000đ (*Bảy mươi hai triệu đồng*), anh đã nhiều lần yêu cầu bà C trả nợ nhưng bà C không trả. Nay, anh yêu cầu Tòa án buộc bà Đinh Thị C trả nợ cho anh số tiền 72.000.000đ (*Bảy mươi hai triệu đồng*), anh Ngọc không yêu cầu bà C trả lãi suất.

Tại Bản tự khai ngày 06/01/2020, bị đơn là bà Đinh Thị C trình bày: Năm 2013, bà có vay của chị O số tiền 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*), mặc dù trong giấy vay tiền không ghi mức lãi suất nhưng thực tế bà phải trả cho chị O lãi suất là 6%/tháng. Trong quá trình vay, do kinh tế gia đình gặp khó khăn nên bà chưa trả hết được cho chị O. Đầu năm 2018, chị O cùng hai người khác khống chế bà tại nhà chị Nguyễn Thị H ở khu phố N, thị trấn C đánh đập, chửi bà và dọa báo Công an nhưng bà không có tiền trả nợ, chị O ép bà ký vào tờ giấy vay nợ chị O là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) và ép bà đưa dây chuyền vàng bà đang đeo trên cổ cho chị O và tính giá trị dây chuyền là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*), bà không ký thì chị O cho người cầm tay và giữ người viết tên bà vào tờ vay với số tiền là 97.000.000đ (*Chín mươi bảy triệu đồng*) và chị O đe dọa đến cuối năm 2018 phải trả hết. Do lo sợ, hoảng loạn nên bà không dám báo công an. Đến cuối năm 2018, bà có quyết định về hưu và được nhận số tiền là 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*) bà đã trả cho chị O khi chị vào nhà đòi và số tiền còn lại bà khát nợ sang năm 2019. Vào khoảng 8 giờ, ngày 31/01/2019, chị O cùng một người khác vào nhà bà hỏi bà số tiền còn lại nhưng bà chưa có và bà khát nợ nhưng chị Oanh không nghe mà lao vào chửi bới, đánh đập bà làm cho bà bị chấn thương vùng mắt, giảm thị lực, tim mạch rối loạn, tinh thần bất an lo sợ. Bà đã trình báo Công an và nhập viện trong ngày, Công an cũng đã lấy lời khai từ nhân chứng và làm việc với bà.

Tại buổi hòa giải ngày 06/3/2020, bà C trình bày: Ngày 16/3/2013, bà vay của chị O 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*), khi vay hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ, lãi suất 6%/tháng nhưng không ghi vào giấy vay tiền,. Sau khi vay bà đã trả lãi suất tháng đầu tiên là 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*), đến khoảng năm 2014 bà trả 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), khoảng năm

2015 bà tiếp tục trả 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*). Toàn bộ giấy vay tiền và trả nợ đều do chị O giữ, bà không giữ bất kỳ một giấy tờ gì.

Ngày 28/01/2018, chị O cùng với một số người bà không biết tên, địa chỉ đến nhà bà Hương ở phố N, thị trấn C là nơi bà đang ở trọ ép bà nhận nợ 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), sau khi lấy của bà 01 dây chuyền vàng 24k trị giá 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) và trừ vào số tiền bắt bà nhận nợ, chị O buộc bà ký vào giấy nhận vay tiền với số tiền vay là 97.000.000đ (*Chín mươi bảy triệu đồng*). Cuối năm 2018 khi lĩnh tiền nghỉ hưu bà đã giao cho anh N chồng chị O số tiền 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*) để trả vào số tiền bà đã vay của chị Oanh năm 2013. Như vậy bà đã trả được cho chị O số tiền mặt là 46.500.000đ (*Bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) và 01 chỉ vàng, do giá vàng có biến động nên bà tính giá trị là 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*), tổng cộng là 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*). Bà yêu cầu chị O làm rõ lãi suất/tháng và thời gian tính lãi để bà có cơ sở chốt nợ với chị O, nếu còn thiếu bà sẽ trả cho chị O. Đối với yêu cầu trả số nợ 97.000.000đ (*Chín mươi bảy triệu đồng*) của anh N, bà không vay của anh N nên bà không có trách nhiệm trả cho anh N số tiền này.

Ngoài việc trình bày bằng bản tự khai và lời trình bày tại buổi hòa giải, bà Đinh Thị C không cung cấp được cho Tòa án tài liệu chứng cứ chứng minh việc vay tiền của chị O vào năm 2013, chứng cứ về việc trả nợ tiền gốc, trả tiền lãi như bà trình bày.

Sau khi bị đơn là bà Đinh Thị C có đơn đề nghị đưa chị Nguyễn Thị O vào tham gia tố tụng và chị Nguyễn Thị H hoặc con gái chị H là Nguyễn Thị L cùng trú tại khu phố N, thị trấn C tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng. Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh đã thông báo bổ sung người tham gia tố tụng là chị Nguyễn Thị O tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại đơn đề nghị tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, chị Nguyễn Thị O là vợ anh Trần Văn N trình bày: Ngày 28/01/2018, có bà Đinh Thị C là giáo viên trường THCS xã Y, huyện C đến gia đình chị đặt vấn đề vay tiền, anh N chồng chị hỏi bà C vay tiền làm gì, bà C nói vay để lo toan và chi tiêu việc gia đình. Anh N chồng chị đã bảo chị lấy giấy tờ và làm thủ tục cho vay tiền với số tiền là 97.000.000đ (*Chín mươi bảy triệu đồng*). Từ khi vay tiền đến nay bà C mới trả cho chồng chị được số tiền là 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*), chồng chị có ghi giấy xác nhận ở sổ của bà C, số tiền còn nợ lại là 72.000.000đ (*Bảy mươi hai triệu đồng*). Chị và chồng là anh N nhiều lần yêu cầu bà C trả nợ nhưng bà C không trả mà còn có những lời lẽ không có văn hóa và luôn lẩn tránh, nay chị đề nghị Tòa án buộc bà C trả nợ cho gia đình chị số tiền nêu trên.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 09/6/2020, bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964, trú tại khu phố N, thị trấn L, huyện C trình bày: Bà biết bà C và chị O, bà thấy chị O gọi bà C vào nhờ nhà bà vì khi đó bà C đi làm xa, không có nhà cửa gì nên

thường ăn cơm nhà bà, việc chị O giữ bà C ở nhà bà là đúng, thời gian khoảng 30 phút nhưng không biết lý do vì sao, bà có chứng kiến việc bà C đưa dây chuyền cho chị O nhưng không rõ là vàng tây hay vàng ta và có trọng lượng, đặc điểm thế nào và không biết lý do bà C đưa dây chuyền cho chị O, bà không để ý việc bà C ký giấy vay tiền với chị O, ngoài ra bà không biết nội dung gì khác.

Do nguyên đơn là anh Trần Văn N có đơn đề nghị tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án nên ngày 18/6/2020, Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh đã ra quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án, đến ngày 05/8/2020, nguyên đơn là anh Trần Văn N có đơn yêu cầu tiếp tục giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh đã ra quyết định tiếp tục giải quyết vụ án vào ngày 05/8/2020, do bà Đinh Thị C vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh đã niêm yết quyết định tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi ban hành quyết định tiếp tục giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh đã có công văn số 126/CV-TALC ngày 01/9/2020 gửi Công an huyện Lang Chánh đề nghị Công an huyện Lang Chánh cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án dân sự; cụ thể là các nội dung có liên quan đến nội dung trình bày của bà Đinh Thị C về việc chị O đánh bà C, việc chị O giữ bà C tại nhà chị H, việc chị O ép bà C ký giấy vay tiền ngày 28/01/2018 và việc bà C giao cho chị O 01 dây chuyền vàng cũng như kết quả giải quyết các nội dung liên quan đến tố cáo của bà Đinh Thị C.

Tại công văn số 167/CSĐT ngày 11/9/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lang Chánh về việc trả lời cung cấp thông tin, tài liệu chứng cứ có liên quan theo yêu cầu của Tòa án. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lang Chánh đã xác minh, làm rõ: Vào ngày 31/01/2019 giữa bà C và chị O có xảy ra việc đánh nhau do chị O đến nhà bà C đòi nợ, do sự việc không có dấu hiệu hình sự nên cơ quan điều tra đã chuyển sự việc cho Công an huyện Lang Chánh xử phạt vi phạm hành chính đối với bà C và chị O theo quy định; đối với sự việc ngày 28/01/2018, bà C không trình báo với cơ quan Công an, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ việc đánh nhau ngày 31/01/2019, bà Đinh Thị C có khai báo với cơ quan Công an vào khoảng tháng 4/2018 (*Chứ không phải là ngày 28/01/2018*), bà C không nhớ rõ ngày, tháng chị O có đến đòi nợ bà C mấy lần, do chưa có tiền trả nên bà C xuống nhà chị Hương để tránh gặp mặt chị O, tại đây chị O có đi cùng một nam và một nữ đến, khi thấy chị O đến bà C định đi ra phía sau nhưng do người đi cùng chị O chốt cửa nên bà C không đi ra được. Sau đó bà C và chị O thỏa thuận bà C trả cho chị O sợi dây chuyền 2 chỉ vàng để trừ nợ. Bà C và chị O tính toán nợ với nhau cả gốc và lãi là 130.000.000đ (*Một trăm ba mươi triệu đồng*), bà C xin giảm nợ và chị O đồng ý nên đã thỏa thuận với nhau chốt số tiền nợ là 97.000.000đ (*Chín mươi bảy triệu đồng*), không tính lãi, hạn trả nợ cuối năm 2018. Bà C đồng ý nên đã tự nguyện ký vào giấy vay tiền mới là 97.000.000đ (*Chín mươi bảy triệu đồng*). Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lang Chánh bà Đinh Thị C khai báo việc ký giấy chốt nợ và thỏa thuận trả nợ cho chị O là do bà C tự nguyện, không bị chị O ép buộc.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Trần Văn N đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị O giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh N yêu cầu Tòa án buộc bà Đinh Thị C trả cho anh số tiền gốc còn nợ là 72.000.000đ (*Bảy mươi hai triệu đồng*), anh N không yêu cầu bà C trả lãi.

* Ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án: Đã thực hiện đúng các quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS).

Về nội dung giải quyết vụ việc: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 177; Điều 179; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS. Căn cứ Điều 463; 465 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự (Sau đây viết tắt là BLDS) Điều 6 và Điều 26 Nghị quyết số 326 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Đinh Thị C trả cho anh Trần Văn N số tiền 72.000.000đ (*Bảy mươi hai triệu đồng*). Buộc bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là anh Trần Văn N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị O và bà Đinh Thị C đang tranh chấp về “*Hợp đồng vay tài sản*” do bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản 3 Điều 28 BLTTDS thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là bà Đinh Thị C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Bản L (*Nay là khu phố N*), thị trấn L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh.

[2] Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Đinh Thị C. Bà C đã có bản tự khai, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, sau đó do bà C vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 của BLTTDS. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ bà C lần thứ hai đến để tham gia phiên tòa nhưng bà C vắng mặt không có lý do, do đó căn cứ quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt bà Chính.

[3]. Về nội dung: Việc anh N, chị O cho bà C vay tiền và thỏa thuận chót nợ số tiền gốc còn nợ là 97.000.000đ (*Chín mươi bảy triệu đồng*) được thể hiện trong Giấy nhận vay tiền ngày 28/01/2018 mà anh Trần Văn N nộp cho Tòa án. Trong giấy nhận vay tiền vay tiền đã ghi rõ người vay là Đinh Thị C, người cho vay là

Trần Văn N, Nguyễn Thị O như vậy hợp đồng vay tiền giữa anh N, chị O và bà C đã được xác lập bằng văn bản; quá trình tham gia tố tụng, hòa giải bà C không có ý kiến khiếu nại về chữ ký của mình trong Giấy nhận vay tiền, do đó giấy nhận vay tiền là hợp đồng hợp pháp. Thời hạn vay tiền từ ngày 28/01/2018 đến tháng 10/2018 trả, tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Trần Văn N cũng thừa nhận, cho đến nay bà C đã trả được cho anh số tiền gốc là 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*) phù hợp với lời trình bày của bà Đinh Thị C.

Mặc dù quá trình giải quyết vụ án, bà C trình bày số tiền trên là do năm 2013 bà vay của chị O 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*), khi vay hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ, lãi suất 6%/tháng nhưng không ghi vào giấy vay tiền,. Sau khi vay cho đến thời điểm Tòa án tiến hành hòa giải bà đã trả được cho chị O số tiền mặt là 46.500.000đ (*Bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) và 01 chỉ vàng, do giá vàng có biến động nên bà tính giá trị là 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*), tổng cộng là 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*). Đối với yêu cầu trả số nợ 97.000.000đ (*Chín mươi bảy triệu đồng*) bà không vay của anh N nên bà không có trách nhiệm trả cho anh N số tiền này. Tuy nhiên, bà C không cung cấp được căn cứ chứng minh cho lời khai của mình về việc trả nợ cho anh N, chị O nên không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với nội dung lời khai của bà C về việc bà bị chị O đe dọa, giữ bà và ép bà ký giấy nhận vay tiền vào ngày 28/01/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lang Chánh đã có văn bản trả lời xác định không nhận được trình báo của bà C mặc dù sau đó vào ngày 31/01/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lang Chánh đã làm việc với bà C để giải quyết vụ xô xát giữa bà C và chị O, hơn nữa tại cơ quan Cảnh sát điều tra bà C đã khai nhận việc bà ký Giấy nhận vay tiền, chốt nợ với số tiền 97.000.000đ (*Chín mươi bảy triệu đồng*) là do bà tự nguyện, không phải bị ép buộc do đó lời khai nại của bà C là không có căn cứ để xem xét.

Xét thấy, các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91 BLTTDS nên căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của anh Trần Văn N và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị O. Buộc bà Đinh Thị C trả nợ cho anh Trần Văn N, chị Nguyễn Thị O số tiền là 72.000.000đ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự ;

Căn cứ các Điều 357, 463; Điều 465 và Điều 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Trần Văn N và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị O.

Buộc bà Đinh Thị C phải trả cho anh Trần Văn N và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị O số tiền là 72.000.000đ (*Bảy mươi hai triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: bà Đinh Thị C phải chịu 3.600.000đ (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho anh Trần Văn N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.800.000đ (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số: AA/2015/0005597 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn là anh Trần Văn N, vắng mặt bị đơn là bà Đinh Thị C và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị O. Anh N có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà C, chị O có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- Chi cục THADS huyện Lang Chánh;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Minh

